

BÀI 18

TỤC NGỮ

VỀ THIÊN NHIÊN VÀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu sơ lược thế nào là tục ngữ.
- Hiểu nội dung, một số hình thức nghệ thuật (kết cấu, nhịp điệu, cách lập luận) và ý nghĩa của những câu tục ngữ trong bài học.
- Thuộc lòng những câu tục ngữ trong văn bản.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

SGK đã nêu định nghĩa về tục ngữ. Có mấy điểm cần lưu ý trong định nghĩa :

- Về hình thức : mỗi câu tục ngữ là *một câu nói* diễn đạt một ý trọn vẹn. Câu tục ngữ có đặc điểm là *ngắn gọn, hàm súc, kết cấu bền vững* ("Một câu tục ngữ còn ngắn hơn cả mũi con chim"⁽¹⁾, "Tục ngữ có biết bao nhiêu là ý nghĩa, bao nhiêu hiện tượng phong phú... và tất cả bao nhiêu thứ đó được trồng trên một diện tích ngôn ngữ nhỏ hẹp làm sao"⁽²⁾). Tục ngữ giàu hình ảnh, nhịp điệu ("Lời nói trần trụi không phải là tục ngữ"⁽³⁾).

- Về nội dung, tư tưởng : tục ngữ thể hiện những *kinh nghiệm* của nhân dân về *thiên nhiên, lao động sản xuất* và về *con người, xã hội*.

Nói đến tục ngữ thường phải chú ý tới *nghĩa đen* và cả *nghĩa bóng* (cũng có thể gọi là *nghĩa bề mặt* và *nghĩa hàm ẩn*).

(1) V.I. Đan, *Tục ngữ dân gian Nga*, Mát-xcơ-va, 1957.

(2) L. Ô-dê-rốp, *Sự tiết kiệm trong nghệ thuật*, *Tác phẩm mới*, số 12, 1971.

(3) Tục ngữ Nga.

Nghĩa đen là nghĩa trực tiếp, gắn với sự việc và hiện tượng ban đầu.

Nghĩa bóng là nghĩa gián tiếp, nghĩa ẩn dụ, biểu trưng. Chẳng hạn, nghĩa đen của câu tục ngữ "Lạt mềm buộc chặt" biểu hiện một kinh nghiệm lao động : Sợi lạt chẻ mỏng, ngâm nước cho mềm, mới buộc sẽ bền chặt ; còn nghĩa bóng của câu tục ngữ này là : Ai mềm mỏng, khéo léo trong quan hệ giao tiếp thì dễ đạt được mục đích.

Đa số trường hợp nghĩa đen phản ánh kinh nghiệm quan sát thiên nhiên và kinh nghiệm lao động sản xuất, nghĩa bóng thể hiện kinh nghiệm về con người, xã hội. Không phải câu tục ngữ nào cũng có nghĩa bóng. Nghĩa đen gợi đến nghĩa bóng khi người sử dụng tục ngữ liên hệ, tìm thấy sự tương đồng giữa điều mà tục ngữ phản ánh cụ thể (trong nghĩa đen) với các hiện tượng đời sống.

– *Về sử dụng* : Tục ngữ được nhân dân vận dụng vào mọi hoạt động của đời sống. Nó giúp nhân dân có được kinh nghiệm để nhìn nhận, ứng xử, thực hành các kinh nghiệm vào cuộc sống. Trong ngôn ngữ, tục ngữ làm đẹp, làm sâu sắc thêm lời nói.

Về sử dụng, cần chú ý rằng, nghĩa bóng tạo cho tục ngữ khả năng ứng dụng vào các trường hợp khác nhau. Mỗi lần như vậy, ý nghĩa của tục ngữ được làm giàu thêm. Ví dụ câu tục ngữ "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" được sử dụng trong rất nhiều hoàn cảnh. Có khi nhân dân dùng để nhắc nhở mọi người ghi nhớ công ơn sinh thành dưỡng dục của ông bà, cha mẹ hoặc tình cảm của học trò đối với thầy, cô giáo. Cũng có khi nhân dân dùng câu tục ngữ ấy để thể hiện lòng biết ơn đối với những anh hùng liệt sĩ đã hi sinh cho đất nước, hoặc để nói về tình nghĩa thủy chung, sống có trước có sau – một truyền thống đạo đức của con người Việt Nam. Tục ngữ "nói một hay mười" (*Thiên Nam ngữ lục*) là như thế ! Quá trình từ "nói một" đến "hay mười" chính là quá trình mở rộng nội dung kinh nghiệm, ứng dụng một câu tục ngữ vào các hoàn cảnh khác nhau.

– Tri thức trong tục ngữ vì dựa trên kinh nghiệm nên không phải lúc nào cũng đúng ; thậm chí có những kinh nghiệm đã lạc hậu.

– Việc phân biệt tục ngữ với thành ngữ và ca dao, đối với HS lớp 7, là chưa cần thiết. Tuy nhiên, GV cần hiểu những vấn đề này để giảng cho HS khi cần thiết.

• Phân biệt tục ngữ với thành ngữ :

+ *Giống nhau* : Tục ngữ và thành ngữ đều là những đơn vị có sẵn trong ngôn ngữ và lời nói, đều dùng hình ảnh để diễn đạt, dùng cái đơn nhất để nói cái chung và đều được sử dụng ở nhiều hoàn cảnh khác nhau trong đời sống.

+ *Khác nhau* : ⊕ Thành ngữ *thường* là đơn vị tương đương như từ, mang hình thức cụm từ cố định (ví dụ : "Cao như sếu", "Năm lần bảy lượt", "Đứng mũi chịu sào", "Con Rồng cháu Tiên",...) ; còn tục ngữ *thường* là câu hoàn chỉnh.

⊕ Thành ngữ có chức năng định danh – gọi tên sự vật, gọi tên tính chất, trạng thái hay hành động của sự vật, hiện tượng ; Tục ngữ diễn đạt trọn vẹn một phán đoán hay kết luận, một lời khuyên.

Do những khác biệt trên, một đơn vị thành ngữ chưa thể coi là một văn bản trong khi mỗi câu tục ngữ được xem như một văn bản đặc biệt, một tổng thể thi ca nhỏ nhất (R. Gia-cốp-xơn).

Tuy nhiên có một số trường hợp rất khó phân biệt đó là thành ngữ hay tục ngữ.

- Phân biệt tục ngữ và ca dao :

Tục ngữ là câu nói, ca dao là lời thơ và thường là lời thơ của những bài dân ca. Tục ngữ thiên về duy lý, ca dao thiên về trữ tình. Tục ngữ diễn đạt kinh nghiệm, ca dao biểu hiện thế giới nội tâm của con người.

Có những trường hợp rất khó phân biệt đó là tục ngữ hay ca dao. Ví dụ : "Nhiều điều phủ lấy giá gương, Người trong một nước phải thương nhau cùng", "Thức khuya mới biết đêm dài, Ở lâu mới biết con người phải chăng"⁽¹⁾. Hợp lý hơn cả, nên coi đây là những hiện tượng trung gian giữa hai thể loại.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài

– Tục ngữ là một thể loại văn học dân gian. Nó được ví là kho báu của kinh nghiệm và trí tuệ dân gian, là "Túi khôn dân gian vô tận". Tục ngữ là thể loại triết lý nhưng đồng thời cũng là "cây đời xanh tươi".

– Tục ngữ có nhiều chủ đề. Tiết học này giới thiệu tám câu tục ngữ có chủ đề về thiên nhiên và lao động sản xuất. Đây chỉ là số rất ít những câu tục ngữ được lựa chọn từ kho tàng tục ngữ rất phong phú của nhân dân. Qua một số câu tục ngữ này, HS bước đầu làm quen với kinh nghiệm về cách nhìn nhận các hiện tượng thiên nhiên và công việc lao động sản xuất, đồng thời học cách diễn đạt ngắn gọn, hàm súc, uyển chuyển của nhân dân.

2. Tiến trình tổ chức các hoạt động

Hoạt động 1. Hướng dẫn HS đọc văn bản và các chú thích, trang 3 và 4, SGK.

Chú thích về khái niệm tục ngữ, GV cần giảng giải kỹ hơn. Tập trung nói về mấy ý sau :

(1) Câu này có nhiều dị bản.

– Về hình thức : Tục ngữ là *một câu nói* (diễn đạt một ý trọn vẹn). Câu tục ngữ có đặc điểm là *rất ngắn gọn, có kết cấu bền vững, có hình ảnh và nhịp điệu*, vì vậy rất dễ nhớ và dễ lưu truyền.

– Về nội dung : Tục ngữ diễn đạt những *kinh nghiệm về cách nhìn nhận* của nhân dân *đối với thiên nhiên, lao động sản xuất, con người, xã hội*. Có những câu tục ngữ chỉ có *nghĩa đen* (nghĩa cụ thể, trực tiếp, gắn với hiện tượng mà nó phản ánh). Nhưng cũng có rất nhiều câu tục ngữ, ngoài nghĩa đen, còn có *nghĩa bóng* (nghĩa gián tiếp, biểu tượng).

– Về sử dụng : Tục ngữ được nhân dân sử dụng vào mọi hoạt động đời sống để nhìn nhận, ứng xử, thực hành và để làm lời nói thêm hay, thêm sinh động, sâu sắc.

Những nội dung trên cần được minh hoạ bằng các dẫn chứng mà bản thân HS cũng có thể nêu ra được.

Tuỳ theo trình độ HS, dựa vào những kiến thức trong phần Những điều cần lưu ý, GV có thể giảng thêm.

Hoạt động 2. Hướng dẫn HS trả lời và thảo luận những câu hỏi phần Đọc – hiểu văn bản, trang 4 và 5, SGK.

Câu hỏi 2

(1) Có thể chia tám câu tục ngữ trong bài làm hai nhóm.

Nhóm 1 : Câu 1, 2, 3, 4 là những câu tục ngữ về thiên nhiên.

Nhóm 2 : Câu 5, 6, 7, 8 là những câu tục ngữ về lao động sản xuất.

(2) HS có thể đưa ra cách chia khác, miễn sao cách chia và việc đặt tên cho từng nhóm là logic. Tuy nhiên cách chia theo hai nhóm như trên là tối ưu.

Câu hỏi 3

(1) *Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng,*

Ngày tháng mười chưa cười đã tối.

– Nghĩa của câu tục ngữ này là : tháng năm (âm lịch), đêm ngắn, ngày dài ; tháng mười (âm lịch), đêm dài, ngày ngắn.

– Có thể vận dụng kinh nghiệm của câu tục ngữ vào chuyện tính toán, sắp xếp công việc hoặc vào việc giữ gìn sức khoẻ cho mỗi con người trong mùa hè và mùa đông (GV nên nêu một số dẫn chứng cụ thể cho điều này).

– Câu tục ngữ giúp con người có ý thức chủ động để nhìn nhận, sử dụng thời gian, công việc, sức lao động vào những thời điểm khác nhau trong một năm.

(2) *Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa.*

– Ngày nào đêm trước trời có nhiều sao, hôm sau sẽ nắng ; trời ít sao, sẽ mưa.

– Trời nhiều sao thì ít mây, do đó sẽ nắng. Ngược lại, trời ít sao thì nhiều mây, vì vậy thường có mưa. Tuy nhiên, cần chú ý, không phải hôm nào trời ít sao cũng mưa. Phán đoán trong tục ngữ, do dựa trên kinh nghiệm, không phải lúc nào cũng đúng.

– Câu tục ngữ này giúp con người có ý thức biết nhìn sao để dự đoán thời tiết, sắp xếp công việc.

(3) *Ráng mờ gà, có nhà thì giữ.*

Khi trên trời xuất hiện ráng có sắc vàng màu mờ gà tức là sắp có bão. Đây là một trong rất nhiều kinh nghiệm dự đoán bão. Biết dự đoán bão thì sẽ có ý thức chủ động giữ gìn nhà cửa, hoa màu,...

(4) *Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt.*

Ở nước ta, mùa lũ xảy ra vào tháng bảy (âm lịch), nhưng có năm kéo dài sang cả tháng tám (âm lịch). Từ kinh nghiệm quan sát, nhân dân tổng kết quy luật : kiến bò nhiều vào tháng bảy – thường là bò lên cao – là điềm báo sắp có lụt. Kiến là loại côn trùng rất nhạy cảm với những thay đổi của khí hậu, thời tiết, nhờ cơ thể có những tế bào cảm biến chuyên biệt. Khi trời chuẩn bị có những đợt mưa to kéo dài hay lũ lụt, kiến sẽ từ trong tổ kéo ra dài hàng đàn, để tránh mưa, lụt và để lợi dụng đất mềm sau mưa làm những tổ mới.

Nạn lũ lụt thường xuyên xảy ra ở nước ta, vì vậy nhân dân có ý thức dự đoán lũ lụt từ rất nhiều hiện tượng tự nhiên để chủ động phòng chống.

(5) *Tấc đất tấc vàng.*

– Đất được coi như vàng, quý như vàng.

Tấc đất chỉ một mảnh đất rất nhỏ (*tấc* : đơn vị cũ đo chiều dài, bằng 1/10 thước mộc (0,0425m) hoặc 1/10 thước đo vải (0,0645m) ; đơn vị đo diện tích đất, bằng 1/10 thước, tức 2,4m² (*tấc Bắc Bộ*), hay 3,3 m² (*tấc Trung Bộ*)(¹). Vàng là kim loại quý thường được cân đo bằng cân tiểu li, hiếm khi đo bằng tấc thước. *Tấc vàng* chỉ lượng vàng lớn, quý giá vô cùng. Câu tục ngữ đã lấy cái rất nhỏ (*tấc đất*) so sánh với cái rất lớn (*tấc vàng*), để nói giá trị của đất.

(1) Theo Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, 2002.

– Đất quý giá vì đất nuôi sống người, đất là nơi người ở, người phải nhờ lao động và đổ bao xương máu mới có đất và bảo vệ được đất. Đất là vàng, một loại vàng sinh sôi. Vàng ăn mãi cũng hết ("Miệng ăn núi lở"), còn "chất vàng" của đất khai thác mãi cũng không cạn.

– Người ta có thể sử dụng câu tục ngữ này trong nhiều trường hợp. Chẳng hạn :

+ Để phê phán hiện tượng lãng phí đất ;

+ Để đề cao giá trị của đất.

(6) *Nhất canh trì, nhị canh viên, tam canh điền.*

– Câu tục ngữ này nói về thứ tự các nghề, các công việc đem lại lợi ích kinh tế cho con người. Trong các nghề được kể, đem lại nhiều lợi ích kinh tế nhất là nuôi cá (*canh trì*), tiếp theo là nghề làm vườn (*canh viên*), sau đó là làm ruộng (*canh điền*).

– Cơ sở khẳng định thứ tự trên là từ giá trị kinh tế thực tế của các nghề. Kinh nghiệm của câu tục ngữ không phải áp dụng ở nơi nào cũng đúng. Ở vùng nào, nơi nào có thể làm tốt cả ba nghề thì trật tự đó là đúng. Nhưng ở những nơi, điều kiện tự nhiên chỉ có thể thuận lợi cho một nghề phát triển, chẳng hạn nghề làm vườn, hay làm ruộng, thì vấn đề lại không như vậy.

– Câu tục ngữ này giúp con người biết khai thác tốt điều kiện, hoàn cảnh tự nhiên để tạo ra của cải vật chất.

(7) *Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.*

– Câu tục ngữ này khẳng định thứ tự quan trọng của các yếu tố (nước, phân, lao động, giống lúa) đối với nghề trồng lúa nước của nhân dân ta.

– Ở từng yếu tố, GV có thể hướng dẫn HS tìm những câu tục ngữ khác gần với nội dung đó để khẳng định. Ví dụ, đối với yếu tố thứ nhất : "Một lượt tát, một bát cơm", với yếu tố thứ hai : "Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân",...

– Kinh nghiệm của câu tục ngữ được vận dụng trong quá trình trồng lúa, giúp người nông dân thấy được tầm quan trọng của từng yếu tố cũng như mối quan hệ của chúng. Nó rất có ích đối với một đất nước mà phần lớn dân số sống bằng nghề nông.

(8) *Nhất thì, nhì thục.*

Câu tục ngữ này khẳng định tầm quan trọng của thời vụ và của đất đai đã được khai phá, chăm bón đối với nghề trồng trọt.

Cách hướng dẫn HS triển khai tìm hiểu câu này : xem câu "Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống".

Câu hỏi 4

Yêu cầu của câu hỏi này là từ các câu tục ngữ trong văn bản, HS chỉ ra một số đặc điểm về cách diễn đạt của câu tục ngữ.

– Hình thức ngắn gọn : số lượng tiếng trong một câu tục ngữ rất ít. GV nên yêu cầu HS dừng lại ở câu (5) và câu (8). Hai câu này không thể thu gọn hơn được nữa, còn nếu thêm từ (ví dụ "Tấc đất *quý như* tấc vàng") thì sẽ giảm độ nén và không tạo được ấn tượng mạnh trong việc khẳng định. Cần lưu ý HS : Tục ngữ có hình thức ngắn gọn nhưng nội dung của nó không đơn giản. Lời ít, ý nhiều, "nội dung của một câu tục ngữ có thể mở tung để viết ra thành cuốn sách" (M.Go-rơ-ki).

– Vẫn trong tục ngữ, đặc biệt là vẫn lưng : GV hướng dẫn HS chỉ ra các loại vẫn này và nêu được ý nghĩa của chúng.

– Các vế của tục ngữ thường đối xứng nhau cả về hình thức, cả về nội dung. Từ việc phân tích một số ví dụ, HS cần chú ý tới vai trò của kết cấu trong việc lập luận, diễn đạt nội dung.

– Hình ảnh trong tục ngữ cụ thể, sinh động. Tục ngữ sử dụng cả cách *nói quá* (hình ảnh thậm xưng) để khẳng định nội dung, ý tưởng (Ví dụ : "Chưa nằm đã sáng", "chưa cười đã tới", "tấc đất tấc vàng"...). Hình ảnh làm các câu tục ngữ trở nên tươi mát, hàm súc và kinh nghiệm được diễn đạt trong đó có sức thuyết phục hơn.

Hoạt động 3. GV hướng dẫn HS luyện tập.

– GV yêu cầu HS đọc cho các bạn trong tổ, nhóm nghe những câu tục ngữ có nội dung phản ánh kinh nghiệm quan sát của nhân dân về các hiện tượng mưa, nắng, bão, lụt. GV cũng có thể tổ chức một cuộc thi nhỏ trong 3 phút, xem bàn (hoặc tổ) nào trong lớp chép được nhiều nhất và chính xác nhất những câu tục ngữ về kinh nghiệm dự đoán thời tiết và kinh nghiệm lao động sản xuất.

– Yêu cầu 1 HS đọc cho cả lớp nghe.

– GV phân tích và nói rõ hơn các ý trong phần Ghi nhớ – SGK, để HS dễ tiếp thu. Yêu cầu HS học thuộc phần này.

– Yêu cầu HS đọc phần Đọc thêm, trang 5 và 6, SGK và làm các bài tập (sách Bài tập) ở nhà.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chu Xuân Diên – Lương Văn Đang, *Tục ngữ Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975.

2. Vũ Dung – Vũ Thuý Anh – Vũ Quang Hào, *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 1998.

3. Bùi Mạnh Nhị (Chủ biên), *Văn học dân gian – những công trình nghiên cứu*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.

4. Bùi Huy Đáp, *Ca dao, tục ngữ với khoa học nông nghiệp*, NXB Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, 1999.

5. Nguyễn Thái Hoà, *Tục ngữ Việt Nam, cấu trúc thi pháp*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997.